CÔNG TY CỔ PHẦN TNG LAND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20825/2026/TB-TNGL	*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Gói thầu: Thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và lập dự toán hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung (công suất 9.300m3/ngày.đêm) dự án Khu công nghiệp Phúc Thuận 1

Dự án Khu công nghiệp Phúc Thuận 1

Công ty cổ phần TNG Land mời các nhà thầu tư vấn có đủ năng lực tham gia chào giá gói thầu **"Thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và lập dự toán hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung (công suất 9.300m3/ngày.đêm) dự án Khu công nghiệp Phúc Thuận 1"** với các thông tin chính như sau:

1. Thông tin gói thầu:

Tên gói thầu: Thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt , dự toán hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung (công suất 9.300m3/ngày.đêm) dự án Khu công nghiệp Phúc Thuận 1

Dự án: Khu công nghiệp Phúc Thuận 1

Địa điểm xây dựng: Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên

2. Phạm vi công việc:

- Khảo sát địa chất, địa hình phục vụ thiết kế thi công: do Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu.

- Nghiên cứu, đề xuất và so sánh các phương án công nghệ

- Thuyết minh, tính toán công nghệ, xác định quy mô các bể và thiết bị

- Thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và lập dự toán Hệ thống xử lý nước thải (Bao gồm thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, điện và điều khiển).

- Quy trình vận hành, bảo trì

Lưu ý : Nhà thầu phải so sánh ít nhất một số phương án công nghệ phù hợp, đánh giá cả chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành trong vòng đời công trình.

Các quy trình kỹ thuật cụ thể đề nghị xem Hồ sơ yêu cầu kèm theo.

3. Thời gian thực hiện:

- Tiến độ thực hiện công việc: Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện kể từ ngày kí hợp đồng hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Thời gian thiết kế chi tiết phần xây dựng không quá 45 ngày, thời gian thiết kế toàn bộ hạng mục không quá 60 ngày.

- Thời gian trên không bao gồm:

+ Thời gian thẩm tra, thẩm định phê duyệt dự án.

+ Thời gian xin giấy phép xây dựng của Chủ đầu tư.

4. Hình thức và hồ sơ chào giá.

- Hình thức chào giá: Chào giá cạnh tranh

- Hồ sơ đề xuất chào giá bao gồm:

+ Thư chào giá

+ Bảng báo giá chi tiết các chi phí tư vấn.

+ Bản vẽ tổng mặt bằng các hạng mục, các mặt cắt dọc, ngang thể hiện cơ bản các thông số công trình.

+ Bản vẽ, thuyết minh mô tả công nghệ đề xuất, nêu rõ lý do đề xuất.

+ Hồ sơ năng lực của Nhà thầu.

+ Các nội dung khác theo Hồ sơ yêu cầu

5. Thời gian và hình thức nộp hồ sơ:

Thời gian nhận hồ sơ: Trước 16 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2026.

Hình thức: Trực tiếp/ Bưu điện.

Địa điểm nhận hồ sơ: Công ty Cổ phần TNG Land. Cụm CN Sơn Cẩm, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên.

Trân trọng kính mời nhà thầu tham dự./.

Nơi nhận:
- Các nhà thầu tư vấn và các phương tiện thông tin đại chúng;
- Lưu VT, TNGL.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TNG LAND

Nguyễn Văn Thời

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC THUẬN 1

HẠNG MỤC: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG (CÔNG SUẤT 9.300M3/NG.Đ)

ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG PHÚC THUẬN, TỈNH THÁI NGUYÊN

HỒ SƠ YÊU CẦU

THIẾT KẾ CƠ SỞ, THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU KHI DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT VÀ LẬP DỰ TOÁN

THÍA NGUYÊN, NĂM 2026

HỒ SƠ YÊU CẦU

DỰ ÁN: **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC THUẬN 1**

TÊN GÓI THẦU: **THIẾT KẾ CƠ SỞ, THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU KHI DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT VÀ LẬP DỰ TOÁN HẠNG MỤC NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG (CÔNG SUẤT 9.300M3/NGÀY.ĐÊM) DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC THUẬN 1**

PHÁT HÀNH NGÀY: **18/11/2026**

CÔNG TY CỔ PHẦN TNG LAND

Nguyễn Văn Thời

CHƯƠNG I - YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1.1.1. Tên dự án

- Dự án: Khu công nghiệp Phúc Thuận 1 (nay thuộc phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên).

- Hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải tập trung (công suất 9.300 m^3/ng.đêm)

1.1.2. Chủ đầu tư

- Công ty Cổ phần TNG Land.

1.1.3. Loại cấp công trình

- Theo Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/06/2026 của Bộ xây dựng về việc phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Thuận 1, công suất 9.300 m^3/ngày.đêm thuộc loại công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III.

- Tuổi thọ thiết kế cho công trình: 50 năm.

1.1.4. Địa điểm công trình

- Vị trí: Địa điểm thực hiện dự án tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên với vị trí cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp tuyến đường ĐT.261

+ Phía Nam giáp Khu công nghiệp Phúc Thuận 2

+ Phía Đông giáp tuyến đường ĐT.261B

+ Phía Tây giáp xã Quân Chu, tỉnh Thái Nguyên

1.1.5. Quy mô, tính chất khu công nghiệp theo Quy hoạch được duyệt

- Quy mô diện tích của Khu công nghiệp Phúc Thuận 1: 385 ha.

- Tính chất: Là khu công nghiệp tổng hợp đa nghành, bao gồm: cơ khí; chế tạo; điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin và công nghệ cao; sản xuất thiết bị điện; sản xuất vật liệu xây dựng; dược phẩm và công nghệ sinh học; công nghiệp nhẹ như dệt may và phụ trợ dệt may thực phẩm, giày dép, văn phòng phẩm và các ngành nghề phù hợp khác.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Giao thông, san nền, thoát nước mặt, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

- Quy hoạch Nhà máy xử lý nước thải tập trung: tổng nhu cầu khoảng 9.300

m^3/ngày.đêm chia làm 4 modul 2.325m3. Nhà máy xử lý nước thải tập trung bố trí tại khu đất hạ tầng kỹ thuật HT-03 xử lý toàn bộ nước thải cho khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

1.2. YÊU CẦU THIẾT KẾ

Yêu cầu chung :

Tư vấn phải đưa ra giải pháp thiết kế bảo đảm:

1. Đáp ứng công suất xử lý 9.300 m^3/ngày đêm.
2. Công nghệ xử lý phù hợp với thành phần, tính chất nước thải đầu vào.
3. Đáp ứng quy chuẩn môi trường.
4. Bảo đảm khả năng tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp theo danh mục ngành nghề được chấp thuận.
5. Tối ưu chi phí đầu tư và chi phí vận hành.
6. Tiết kiệm điện, hóa chất, nhân công.
7. Thuận lợi cho vận hành, bảo dưỡng và mở rộng công suất khi cần thiết.
8. Hạn chế mùi, tiếng ồn, khí thải và chất thải phát sinh.
9. Bảo đảm an toàn kết cấu, điện, cơ khí và PCCC.

1.2.1. Quy mô công suất thiết kế:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Thuận 1 có quy mô công suất thiết kế là **Q = 9.300 m^3/ngày.đêm** chia làm 04 modul **2.325m3.**

- Phân kỳ đầu tư: Hệ thống đầu tư xây dựng một lần hoặc phân kỳ đầu tư các Modul theo phân tích, đánh giá và đề xuất của Nhà thầu.

1.2.2. Chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra nhà máy xử lý:

- Thành phần và tính chất nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung:

+ Nước thải từ các Nhà máy thứ cấp dự kiến yêu cầu xử lý sơ bộ đạt **cột B, QCVN 40:2025/BTNMT**). Các ngành nghề thu hút đầu tư hoạt động trong nước thải phát sinh các chỉ số kim loại nặng, các chỉ số ô nhiễm thuốc trừ sâu, các hợp chất hữu cơ khó phân hủy, độc hại yêu cầu nhà đầu tư thứ cấp xử lý đạt tiêu chuẩn Cột A, QCVN 40:2025/BTNMT.

+ Để đảm bảo an toàn môi trường, tính toán hệ thống xử lý nước thải với ngưỡng tiếp nhận nước thải đầu vào tối đa theo **giá trị cột C, QCVN 40:2025/BTNMT**. Bên cạnh đó, đối với các nhà máy thứ cấp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt qua xử lý sơ bộ

bằng bể tự hoại, để tăng khả năng thu hút đầu tư và giảm chi phí vận hành xử lý đối với công nghệ lựa chọn, hệ thống xử lý nước thải tập trung cũng được **tính toán với ngưỡng giới hạn tiếp nhận cao hơn đối với một số chỉ tiêu đặc trưng cho nước thải sinh hoạt như BOD, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho** (theo bảng thông số chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra).

- Chất lượng nước thải sau xử lý tại nhà máy xử lý tập trung **đạt cột A theo QCVN40:2025/BTNMT**. Trong quá trình hoạt động, hệ thống quan trắc tự động sẽ truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (các thông số chính: **Lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, COLOR**).

- Bảng thông số chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Ngưỡng giới hạn tính toán QCVN 40:2025/BTNMT (cột C)	Giới hạn nước thải sau xử lý theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
I	**Bảng 1: Giá trị giới hạn cho phép BOD_5, COD, TSS**		**F ≤2.000 m^3/ngày đêm**	**F ≤2.000 m^3/ngày đêm**
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/l	**≤ 275 (*)**	≤ 40
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	**≤ 450 (*)**	≤ 65
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**≤ 200 (*)**	≤40
II	**Bảng 2. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm khác**			
4	pH	-	6-9	6-9
5	Nhiệt độ	°C	≤ 40	≤ 40
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	**≤ 60 (*)**	≤ 20
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	**≤ 12 (*)**	≤ 4
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000	≤ 3000
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 150	≤ 50
10	Asen (As)	mg/l	≤ 0,25	≤ 0,05
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,005	≤ 0,001
12	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,5	≤ 0,1
13	Cadmi (Cd)	mg/l	≤ 0,1	≤ 0,02

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Ngưỡng giới hạn tính toán QCVN 40:2025/BTNMT (cột C)	Giới hạn nước thải sau xử lý theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
14	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	≤ 0,5	≤ 0,1
15	Tổng Crom (Cr)	mg/l	≤ 2	≤ 0,5
16	Đồng (Cu)	mg/l	≤ 3,0	≤ 1,0
17	Kẽm (Zn)	mg/l	≤ 5,0	≤ 1,0
18	Niken (Ni)	mg/l	≤ 3,0	≤ 0,1
19	Mangan (Mn)	mg/l	≤ 10,0	≤ 2,0
20	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 10,0	≤ 2,0
21	Bari (Ba)	mg/l	≤ 10	≤ 1,0
22	Antimon (Sb)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,02
23	Thiếc (Sn)	mg/l	≤ 5,0	≤ 0,5
24	Selen (Se)	mg/l	≤ 1,0	≤ 0,1
25	Xianua (CN^-)	mg/l	≤ 1,0	≤ 0,2
26	Amoni ($N\text{-}NH^{4+}$), tính theo N	mg/l	≤ 12	≤ 5,0
27	Phenol (C_6H_5OH)	mg/l	≤ 0,5	≤ 0,1
28	Tổng Phenol	mg/l	≤ 3,0	≤ 1,0
29	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0	≤ 1,0
30	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	≤ 5,0
31	Sunfua (S^{2-})	mg/l	≤ 1,0	≤ 0,2
32	Florua (F^-)	mg/l	≤ 15	≤ 3,0
33	Clorua (Cl^-) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	≤ 1000	≤ 500
34	Clo dư	mg/l	≤ 2,0	≤ 1,0
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide	mg/l	≤ 0,1	≤ 0,05
36	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tính theo các cấu tử:	mg/l	≤ 1,0	≤ 0,3

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Ngưỡng giới hạn tính toán QCVN 40:2025/BTNMT (cột C)	Giới hạn nước thải sau xử lý theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
	Dimethoate, Diazinone, Ethyl- parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion			
37	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	mg/l	≤ 0,003	≤ 0,003
38	Dioxin/Furan	pgTEQ/l	≤ 10	≤ 10
39	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l	≤ 15	≤ 7,5
40	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	≤ 3,0
41	Pentachlorophenol (C_6Cl_5OH)	mg/l	≤ 0,01	≤ 0,001
42	Trichloroethylene ($CH-CCl_3$)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,06
43	Tetrachloroethylene (C_2Cl_4)	mg/l	≤ 0,1	≤ 0,04
44	Benzene (C_6H_6)	mg/l	≤ 0,1	≤ 0,01
45	Methylene chloride (Dichloromethane – CH_2Cl_2)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,02
46	Carbon tetrachloride (CCl_4)	mg/l	≤ 0,04	≤ 0,004
47	1,1-dichloroethylene (CH_2CCl_2)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,05
48	1,2-dichloroethane ($C_2H_4Cl_2$)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,03
49	Chloroform ($CHCl_3$)	mg/l	≤ 0,8	≤ 0,3
50	1,4-Dioxane ($C_4H_8O_2$)	mg/l	≤ 4,0	≤ 0,05
51	Di ethylhexylphthalate (DEHP) ($C_6H_4(CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,02
52	Vinyl chloride ($CH_2=CHCl$)	mg/l	≤ 0,5	≤ 0,01
53	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,01

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Ngưỡng giới hạn tính toán QCVN 40:2025/BTNMT (cột C)	Giới hạn nước thải sau xử lý theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
54	Bromoform ($CHBr_3$)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,1
55	Naphthalene ($C_{10}H_8$)	mg/l	≤ 0,5	≤ 0,05
56	Formaldehyde (HCHO)	mg/l	≤ 5,0	≤ 1,0
57	Epichlorohydrin (C_3H_5ClO)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,03
58	Toluene (C_6H_5-CH_3)	mg/l	≤ 7,0	≤ 0,7
59	Xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$)	mg/l	≤ 5,0	≤ 0,5
60	Perchlorate (ClO_4^-)	mg/l	≤ 0,3	≤ 0,03
61	Acrylamide (CH_2=CH-$CONH_2$)	mg/l	≤ 0,04	≤ 0,015
62	Styrene ($C_6H_5CH=CH_2$)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,02
63	Bis (2-ethylhexyl) adipate ($(CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/l	≤ 2,0	≤ 0,2
64	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	mg/l	≤ 15	≤ 5,0

Ghi chú :

- Giá trị *(*): Các chỉ số trong nước thải đầu vào nhà máy xử lý được tính toán dự phòng với ngưỡng cao hơn so với Chuẩn C, QCVN 40:2025/BTNMT đáp ứng cho các nhà máy thứ cấp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại;*

1.2.3. Tiêu chuẩn thiết kế

Đảm bảo theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

1.2.4. Công nghệ xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý nước thải : dựa trên quy mô công suất, yêu cầu chất lượng nước thải đầu vào đầu ra của nhà máy xử lý và các yếu tố về kinh tế, kỹ thuật khác, Nhà thầu đưa ra đề xuất lựa chọn công nghệ phù hợp:

+ Công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học AO;

+ Công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học AO+MBBR;

+ Công nghệ thuần hóa lý

+ Công nghệ thuần sinh học

+ Công nghệ Oxy hóa bậc cao

+ Hoặc các công nghệ khác theo đề xuất của nhà thầu.

- Công nghệ xử lý bùn.

- Công nghệ xử lý mùi.

- Các tính toán kèm theo :

+ Tính toán công nghệ các công trình xử lý

+ Bảng thông số kích thước các công trình

+ Bảng hiệu suất xử lý các chỉ tiêu cơ bản qua các công trình xử lý

+ Danh mục thiết bị công nghệ

+ Bảng tính chi phí vận hành (điện năng, hóa chất, nhân công, bảo trì,…)

1.2.5. Hệ thống điều khiển

- Tủ điều khiển (hệ thống) được nhiệt đới hóa, phù hợp với điều kiện Việt Nam, cấu trúc Module linh hoạt, khả năng mở rộng tốt;

- Bộ điều khiển PLC S7-1200;

- Nguồn cấp: 24DC/220VAC;

- Điều khiển hệ thống theo 2 chế độ: tự động và bằng tay;

- Chế độ tự động: giám sát, điều khiển toàn bộ hoạt động của Nhà máy xử lý thông qua giao diện vận hành HMI.

- Chế độ bằng tay: điều khiển hoạt động của nhà máy xử lý trên Panel nút bấm, Switch trên cánh tủ, duy trì giám sát trạng thái toàn bộ thiết bị bằng đèn báo;

- Cảnh báo sự cố bằng tín hiệu còi, đèn báo.

- Cấu hình phần cứng: Đầu vào số: DI, 24VDC; Đầu ra số: DO, relay 24VDC; Đầu vào Analog: AI/4-20mA; Đầu ra Analog: AO/0-10V or 4-20mA; Hỗ trợ truyền thông Etherne…

1.2.6. Xây dựng nhà máy xử lý nước thải

- Khu đất xây dựng Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp thuộc ô đất quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng HTKT HT-03 có tổng diện tích 20.222 m^2, mật độ xây dựng tối đa 70%, tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng, hệ số sử dụng đất 1,4 lần (có bản vẽ Quy hoạch được phê duyệt kèm theo).

- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải phù hợp theo Quy hoạch và công suất được duyệt, dễ dàng mở rộng và thuận tiện kết nối.

- Các công trình trong nhà máy xử lý:

+ Bể gom: xây dựng một lần đáp ứng công suất 9.300 m^3/ngày.đêm;

+ Bể xử lý nước thải: được xây dựng một lần đáp ứng công suất

9.300m^3/ngày.đêm hoặc phân chia Modul theo từng giai đoạn tùy theo phân tích, đánh giá, đề xuất của Nhà thầu;

+ Công trình ứng phó sự cố : xây dựng một lần đáp ứng công suất 9.300 m^3/ngày.đêm; (Hồ sự cố, với dung tích 9.300 m^3 ~ chứa nước thải 1 ngày hoặc theo tính toán của Nhà thầu);

+ Hệ quan trắc nước thải sau xử lý: xây dựng một lần đáp ứng công suất 9.300 m^3/ngày.đêm;

+ Hệ thống xử lý mùi ;

- Cụm nhà chức năng:

+ Gồm các phòng điều khiển, máy thổi khí, pha chế hóa chất, kho hóa chất, kho chứa chất thải công nghiệp nguy hại, kho chứa chất thải công nghiệp thông thường, phòng máy ép bùn, máy phát điện, nhà quan trắc, nhà bảo vệ, nhà để xe…

+ Diện tích tối thiểu theo TCVN 7957 :2023 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP yêu cầu đối với các phòng Kho hóa chất là 100-150 m^2 ; Kho chứa chất thải nguy hại là 30-40 m^2; Kho chứa chất thải thông thường là 30-50 m^2. Nhà thầu có thể đề xuất diện tích kho chứa nhưng phải đảm bảo theo quy định của Pháp luật, TCVN

+ Diện tích các phòng chức năng khác theo đề xuất của nhà thầu.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nội bộ nhà máy xử lý đồng bộ:

+ San nền: được thực hiện chung với hạ tầng của Khu công nghiệp, hạng mục chỉ tính toán khối lượng đào đắp từ cốt san nền đến cốt hoàn thiện.

+ Sân đường nội bộ nhà máy xử lý.

+ Cổng hàng rào, biển tên nhà máy xử lý.

+ Thoát nước mưa nội bộ nhà máy xử lý.

+ Thoát nước thải nội bộ nhà máy xử lý.

+ Cấp nước nội bộ nhà máy xử lý.

+ Cấp điện chiếu sáng, chống sét nội bộ nhà máy xử lý.

+ Cấp điện động lực, điện điều khiển nội bộ nhà máy xử lý.

+ Trông cây xanh, thảm cỏ cảnh quan, cách ly.

- Các tính toán kèm theo :

+ Tính toán kết cấu các công trình (phần móng, phần thân).

1.2.7. Quy cách vật tư, thiết bị công nghệ

1.2.7.1. Danh mục vật tư, thiết bị

- Dựa trên công nghệ lựa chọn, Nhà thầu tính toán và đưa ra danh mục thiết bị công nghệ, trong đó nêu rõ Thông số kỹ thuật, Model hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, đơn vị, số lượng thiết bị.

- Trong đó, hệ thiết bị chính như: máy bơm chìm, bơm hút váng nổi, bơm hút cát, bơm bùn chìm, máy khuấy trộn chìm, máy khuấy cạn, máy bơm định lượng, đĩa phân phối khí, giá thể vi sinh, đồng hồ điện từ, các thiết bị đo online (pH, DO, COD, TSS, Amoni): có xuất xứ EU/G7.

1.2.7.2. Quy cách vật tư, phụ kiện công nghệ

Vật tư lắp đặt công trình phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo năng suất và hiệu quả công trình. Đồng thời phải thoả mãn được các yêu cầu sau:

+ Có khả năng khai thác từ nguồn vật tư, thiết bị trong nước.

+ Thiết bị và phụ tùng lắp đặt phải dễ dàng tháo lắp và thay thế.

+ Hệ thống lan can bảo vệ bằng inox 304, đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

1.2.8. Chi phí vận hành

- Dựa trên công nghệ đề xuất, Nhà thầu tính toán định mức tiêu hao hóa chất sử dụng.

- Và chi phí vận hành, bao gồm:

+ Chi phí năng lượng, có bảng thống kê, tính toán điện năng tiêu thụ.

+ Chi phí hóa chất, có bảng thống kê, tính toán hóa chất tiêu thụ.

+ Chi phí nhân công.

+ Chi phí nước sạch.

+ Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị

+ Tổng cộng chi phí (đồng/m3).

1.2.9. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện dự án: Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện kể từ ngày kí hợp đồng hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Thời gian thiết kế chi tiết phần xây dựng không quá 45 ngày, thời gian thiết kế toàn bộ hạng mục không quá 60 ngày.

- Thời gian không bao gồm:

+ Thời gian thẩm tra, thẩm định phê duyệt dự án.

+ Thời gian xin giấy phép xây dựng của Chủ đầu tư.

1.2.10. Giám sát tác giả

- Nhà thầu đề xuất thời gian giám sát tác giả. Có phương án hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình thi công, xử lý phát sinh nếu có.

1.2.11. Yêu cầu sản phẩm bàn giao

Danh mục hồ sơ bàn giao bao gồm:

STT	Sản phẩm	Số lượng
1	Thuyết minh thiết kế	05 bộ
2	Hồ sơ bản vẽ thiết kế	05 bộ
3	Hồ sơ tính toán kết cấu	03 bộ
4	Hồ sơ tính toán công nghệ	03 bộ
5	Hồ sơ tính toán điện, cơ khí	03 bộ
6	Hồ sơ dự toán	03 bộ
7	Bảng tiên lượng	03 bộ
8	Danh mục thiết bị	03 bộ
9	Chỉ dẫn kỹ thuật	03 bộ
10	File bản vẽ CAD	01 bộ
11	File tính toán Excel và phần mềm chuyên ngành	01 bộ
12	File PDF toàn bộ hồ sơ	01 bộ
13	Hồ sơ mô hình BIM nếu được yêu cầu	01 bộ

1.3. PHẠM VI CÔNG VIỆC GÓI THẦU

- Khảo sát địa chất, địa hình phục vụ thiết kế thi công: do Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu.

- Nghiên cứu, đề xuất và so sánh các phương án công nghệ

- Thuyết minh, tính toán công nghệ, xác định quy mô các bể và thiết bị

- Thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và lập dự toán Hệ thống xử lý nước thải (Bao gồm thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, điện và điều khiển).

- Quy trình vận hành, bảo trì

Lưu ý : Nhà thầu phải so sánh ít nhất một số phương án công nghệ phù hợp, đánh giá cả chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành trong vòng đời công trình.

1.4. PHỤ LỤC

1.4.1. Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất 1/500 được duyệt.

1.4.2. Bản vẽ quy hoạch thoát nước thải 1/500 được phê duyệt.

1.4.3. Bản vẽ thiết kế cơ sở thoát nước thải được phê duyệt.

CHƯƠNG II - YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

2.1. Năng lực pháp lý của đơn vị tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hợp pháp, trong đó có ngành nghề hoạt động phù hợp với lĩnh vực tư vấn thiết kế công trình.

2. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật tương ứng với loại, cấp công trình và phạm vi công việc đảm nhận.

3. Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp (nếu thuộc trường hợp pháp luật yêu cầu).

4. Có khả năng huy động nhân sự, thiết bị và các nguồn lực cần thiết để thực hiện gói thầu.

5. Không đang trong tình trạng giải thể, phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo quy định pháp luật.

6. Có báp cáo tài chính và xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế trong 03 năm gần nhất.

2.2. Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự

Nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện tối thiểu:

- 02 hợp đồng tư vấn thiết kế công trình xử lý nước thải có công suất từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên đã hoàn thành hoặc có phần công việc tương ứng đã được nghiệm thu. Trong đó Có ít nhất 01 hợp đồng đã thực hiện thiết kế cơ sở và/hoặc thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, ưu tiên hợp đồng thiết kế trạm xử lý nước thải công nghiệp, khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp.

Hồ sơ chứng minh gồm:

- Hợp đồng tư vấn thiết kế.

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc tài liệu thể hiện quy mô, công suất công trình.

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc tài liệu xác nhận hoàn thành công việc.

2.3. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí nhân sự	Số lượng	Yêu cầu kinh nghiệm đề xuất
1	Chủ nhiệm thiết kế	01	Tối thiểu 7 năm kinh nghiệm, đã tham gia ít nhất 2 công trình xử lý nước thải
2	Chủ trì công nghệ xử lý nước thải	01	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm, đã thiết kế ít nhất 2 công trình xử lý nước thải
3	Chủ trì thiết kế xây dựng	01	Có kinh nghiệm thiết kế bể, nhà trạm và công trình phụ trợ
4	Chủ trì thiết kế điện	01	Có kinh nghiệm thiết kế hệ thống điện cho công trình công nghiệp

STT	Vị trí nhân sự	Số lượng	Yêu cầu kinh nghiệm đề xuất
5	Chủ trì thiết kế cơ khí	01	Có kinh nghiệm thiết kế, bố trí thiết bị công nghệ
6	Chủ trì thiết kế tự động hóa	01	Có kinh nghiệm thiết kế điều khiển, giám sát và vận hành tự động
7	Chủ trì dự toán	01	

Nhân sự phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp, chứng chỉ hành nghề theo quy định đối với chức danh pháp luật yêu cầu và tài liệu chứng minh kinh nghiệm. Mỗi nhân sự phải cung cấp :

+ Sơ yếu lý lịch chuyên môn.

+ Bằng cấp chuyên ngành.

+ Chứng chỉ hành nghề (Nếu pháp luật yêu cầu đối với vị trí đảm nhiệm).

+ Danh sách dự án đã thực hiện.

+ Tài liệu chứng minh kinh nghiệm

+ Can kết tham gia dự án

Chủ đầu tư có quyền phỏng vấn hoặc yêu cầu thay thế nhân sự không đáp ứng yêu cầu.

CHƯƠNG III – TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

3.1. Nguyên tắc đánh giá

Đánh giá theo 03 bước:

Bước 1: Đánh giá năng lực, kinh nghiệm.

Bước 2 : Đánh giá tính khả thi của phương án thiết kế

Bước 3: Đánh giá tài chính và thương thảo hợp đồng

Chỉ các đơn vị đạt yêu cầu bước trước mới được chuyển sang bước tiếp theo

3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nếu thỏa mãn yêu cầu quy định tại Chương 2 : Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm

3.3. Đánh giá tính khả thi của phương án thiết kế

Đánh giá hồ sơ của Nhà thầu có đảm bảo các yêu cầu tại Chương I: Yêu cầu kĩ thuật và phạm vi công việc bao gồm có:

- Đáp ứng công suất xử lý 9.300 m^3/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý phù hợp với thành phần, tính chất nước thải đầu vào.

- Đáp ứng quy chuẩn môi trường.

- Bảo đảm khả năng tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp theo danh mục ngành nghề được chấp thuận.

- Thuận lợi cho vận hành, bảo dưỡng và mở rộng công suất khi cần thiết.

- Hạn chế mùi, tiếng ồn, khí thải và chất thải phát sinh.

- Tiến độ thực hiện

3.4. Đánh giá tài chính.

Đánh giá tài chính phương án thiết kế của Nhà thầu bao gồm có:

+ Tổng mức đầu tư dự kiến của phương án

+ Tối ưu chi phí đầu tư và chi phí vận hành

+ Chi phí tư vấn thiết kế

Nhà thầu được chọn là Nhà thầu đưa ra phương án có Tổng chi phí đầu tư và chi phí vận hành thấp nhất (Không phải Nhà thầu có giá trị tư vấn thấp nhất).

3.5. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

- Bên mời thầu thực hiện việc sửa lỗi số học và hiệu chỉnh sai lệch trong hồ sơ dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu thuộc đối tượng áp dụng) và các quy định tại Hồ sơ mời thầu này.

- Các lỗi số học được xem xét bao gồm:

+ Sai sót trong phép tính cộng, trừ, nhân, chia giữa khối lượng, đơn giá và thành tiền;

+ Sai sót trong việc tổng hợp chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác và các khoản chi phí liên quan;

+ Sai sót trong việc tính toán thuế và tổng giá dự thầu;

+ Sai lệch về số liệu giữa bảng giá dự thầu chi tiết và bảng tổng hợp giá dự thầu.

- Việc sửa lỗi phải căn cứ vào các số liệu hợp lệ trong hồ sơ dự thầu, bảo đảm tính khách quan, minh bạch, không làm thay đổi bản chất đề xuất kỹ thuật, phạm vi công việc và nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.

- Kết quả sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thông báo bằng văn bản cho nhà thầu để xem xét, chấp thuận theo quy định áp dụng đối với gói thầu.

- Trường hợp nhà thầu không chấp thuận kết quả sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, việc xử lý hồ sơ dự thầu được thực hiện theo quy định của Hồ sơ mời thầu và pháp luật có liên quan.